

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2017/HC-PT

Ngày: 22-9-2017

V/v "*Khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai và
yêu cầu bồi thường thiệt hại*".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Đức Khải

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ

Ông Nguyễn Khánh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2017/TLPT-HC ngày 02 tháng 8 năm 2017, về việc "*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại*".

Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2017/QĐPT-HC ngày 11 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Lâm Thị L, sinh năm 1979, địa chỉ: khu phố Đ, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Hồ Văn H, Luật sư Văn phòng Luật sư B - Chi nhánh H, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H (có mặt).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Bà Ngô Thị Hồng H, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lâm Thị K, sinh năm 1946, địa chỉ: Phường X, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bà Lê Cúc H, sinh năm 1976, địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. Bà Lý Thị Thúy L, sinh năm 1970, địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Trương Văn A, sinh năm 1935, địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Ông Trương Văn L, sinh năm 1938, địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3. Bà Đỗ Thị G, sinh năm 1968, địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

4. Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1951, địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Lâm Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Lâm Thị L trình bày:

Nguồn gốc phần đất có diện tích 2.789,3m², thuộc thửa số 09, tờ bản đồ số 69, tọa lạc tại ấp N, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng là do cha bà, ông Lâm Quan S, chết để lại. Phần đất này được hộ gia đình bà sử dụng ổn định từ năm 1975 cho đến nay và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2004 ông Lâm Quan S chết, mẹ bà là Huỳnh Thị Đ chết năm 2015. Ông nội bà là ông Lâm Danh C, chết ngày 12/10/2002, bà nội bà là bà Nguyễn Thị C, chết ngày 14-12-2002. Ông, bà nội lúc còn sống cùng thường trú tại số 3, Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi ông, bà nội chết, cha bà thừa hưởng phần đất trên. Sau khi cha, mẹ chết bà là người thừa kế duy nhất thừa hưởng đối với phần đất có diện tích 2.789,3m² mà cha bà để lại nêu trên.

Ngày 04-7-2016, bà nộp hồ sơ xin đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất 09 nêu trên tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T. Tại thời điểm này, địa phương đã mở cuộc họp với đầy đủ các thành phần có liên quan tại khu dân cư để “*Lấy ý kiến khu dân cư về việc xác định nguồn gốc đất*” giải quyết hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà.

Tuy nhiên, sau đó UBND xã T đã không xác nhận vào phiếu “*Lấy ý kiến khu dân cư về việc xác định nguồn gốc đất*” và cũng không xác nhận vào đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà.

Bà đi lại nhiều lần yêu cầu thì vào ngày 26-9-2016, UBND xã T ban hành Công văn số 36/CV-UBND về việc trả lời đơn của bà Lâm Thị L, theo đó không giải quyết hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà.

Theo công văn trên, UBND xã T cho rằng: Cha bà, ông Lâm Quan S có 02 vợ là bà Huỳnh Thị Đ, người vợ thứ hai tên C và 03 người con tên Lâm Thị L, Lâm Thị C và một người tên H. Ngoài ra, UBND xã T còn liệt kê thêm là trên đất của ông Lâm Quan S có căn nhà, không rõ căn nhà này của ông Lâm Quan S hay của bà Lý Thị L? Không rõ ông Lâm Quan S và bà Lý Thị L có phát sinh giao dịch chuyển nhượng, tặng cho (nhà) gì không?

Bà khẳng định chỉ yêu cầu xác minh nguồn gốc đất và tình trạng đất có tranh chấp để đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì UBND xã T xác minh có nội dung: “*Ông Lâm Quan S có 02 vợ là bà Huỳnh Thị Đ người vợ thứ 2 tên C và 3 người con tên Lâm Thị L, Lâm Thị C và một người tên H*”. Trong khi bà là người thừa kế duy nhất và không biết những người vừa nêu là ai.

Đối với nhà ở trên đất, bà khẳng định: Bà nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng không hiểu lý do vì sao UBND xã T lại cố ý xác minh quyền sở hữu nhà? Đây là nội dung cố ý làm trái của UBND xã T. Căn cứ xác định quyền sở hữu nhà là khi được Nhà nước công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cho công dân. UBND xã T biết là thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận nhưng đòi hỏi và xác minh quyền sở hữu nhà.

Không đồng ý với hành vi trên, ngày 05-10-2016 bà đã khiếu nại đến UBND xã T để được giải quyết, nhưng đến nay vẫn không được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Thiết nghĩ, UBND xã T phải tạo điều kiện thuận lợi cho bà thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất là kê khai, đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định vì đất là do cha bà chết để lại, bà là con (người thừa kế duy nhất) và hiện trạng sử dụng đất là không có tranh chấp.

Tuy nhiên, không rõ lý do vì sao UBND xã T lại cố tình gây nhiều khó khăn cho bà về thời gian đi lại, tốn kém tiền bạc và nhiều bức xúc.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc UBND xã T tổ chức lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc đất và xác nhận đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 2.789,3m², thuộc thửa số 09, tờ bản đồ số 69, tọa lạc tại ấp N, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cho bà.

- Buộc UBND xã T bồi thường thiệt hại cho bà số tiền 90.000.000 đồng, gồm: Chi phí Luật sư đi thực hiện công việc đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 70.000.000 đồng và chi phí đi lại kiện hành chính tại Tòa án là 20.000.000 đồng.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện UBND xã T trình bày:

UBND xã T có nhận được đơn yêu cầu về việc đo đạc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lâm Thị L ngày 20-6-2016 đối với phần đất có diện tích 2.789,3m², thuộc thửa số 09, tờ bản đồ số 69, toạ lạc tại ấp N, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Đến ngày 27-6-2016 UBND xã T có tổ chức lấy ý kiến khu dân cư thì theo người dân địa phương cung cấp là đất có tranh chấp và bà Lâm Thị L sử dụng đất không ổn định, công khai phiếu lấy ý kiến khu dân cư, đến ngày 29 và 30-6-2016 thì UBND xã T có nhận được đơn tranh chấp của bà Lê Cúc H và bà Lâm Thị K về việc ngăn cản cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 07-7-2016, UBND xã T có làm việc với bà H và bà K thì cả hai người đều cho rằng mình có quyền thừa hưởng phần đất nêu trên.

Xét thấy tình trạng sử dụng đất còn tranh chấp, đất sử dụng không ổn định nên UBND xã T đã bác đơn yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lâm Thị L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị K trình bày:

Bà là em ruột của ông Lâm Quan S, còn phần đất diện tích 2.789,3m², thuộc thửa số 09, tờ bản đồ số 69, toạ lạc tại ấp N, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng có nguồn gốc của cha mẹ bà là ông Lâm Danh C và bà Nguyễn Thị C, chưa phân chia cho ai, cha mẹ bà cho ông S ở trong căn nhà tạm để giữ vườn, chứ không có cho luôn. Sau khi ông S chết, thì người cháu ruột tên là Lý Thị Thuý L ở trên phần đất này cho đến nay, còn bà Lâm Thị L thì không có ở trên phần đất này. Phần đất này trước đây không có giấy tờ gì. Khi còn sống ông Lâm Quan S có hai người vợ tên Lê Thị C và Huỳnh Thị Đ. Ông S và bà C có một người con chung tên là Lê Cúc H (lấy theo họ mẹ); ông S và bà Đ có hai người con chung tên là Lâm Thị C và Lâm Thị L.

Khi bà L làm thủ tục xác nhận nguồn gốc đất, để đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà không biết, sau đó UBND xã T thông báo cho bà biết nên bà mới đứng ra ngăn cản, không cho làm thủ tục cấp giấy chứng nhận cho bà L đối với phần đất 2.789,3m², thuộc thửa số 09 nêu trên, vì đây là di sản của cha mẹ bà để lại mà làm thủ cấp giấy cho cháu là không đúng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Cúc H trình bày:

Bà là con ruột của ông Lâm Quan S và bà Lê Thị C (mẹ bà đã chết vào năm 2000). Ngoài ra, cha bà (ông S) còn có một người vợ khác tên Huỳnh Thị Đ và hai người con tên Lâm Thị C và Lâm Thị L. Nguồn gốc phần đất 2.789,3m², thuộc thửa số 09, tờ bản đồ số 69, toạ lạc tại ấp N, xã T, huyện K là của ông nội, bà nội (ông Lâm Danh C và bà Nguyễn Thị C) đúng như lời trình bày của bà Lâm Thị K. Khi bà L làm thủ tục xác nhận nguồn gốc đất, để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà không biết, sau đó UBND xã T cho biết nên bà mới đứng ra ngăn cản, không cho làm thủ tục cấp giấy chứng nhận cho bà L đối với phần đất 2.789,3m², thuộc thửa số 09 nêu trên. Vì bà cũng có phần thừa hưởng trong phần đất này, không phải chỉ riêng bà L được hưởng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Lý Thị Thuý L, trình bày:

Hiện nay bà có một căn nhà tình thương do Nhà nước xây dựng cho trên phần đất 2.789,3m², thuộc thửa số 09, tờ bản đồ số 69, tọa lạc tại ấp N, xã T, huyện K. Bà ở trên phần đất này là do ông Lâm Quan S cho ở (vì bà là cháu ruột của ông S). Bà có công chăm sóc nuôi, dưỡng ông S lúc còn sống cho đến khi chết. Khi bà Lâm Thị L làm thủ tục xác nhận nguồn gốc đất, để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà không biết, sau đó UBND xã T thông báo cho bà biết nên bà mới đứng ra ngăn cản, không cho làm thủ tục cấp giấy chứng nhận cho bà L đối với phần đất nêu trên.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST, ngày 29-6-2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

- Căn cứ vào Điều 7, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 157, các khoản 1 và 3 Điều 158, Điều 159, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348, Điều 358 và điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 101 của Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; các khoản 1, 6 và 7 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016.

- Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị L về việc buộc Ủy ban nhân dân xã T, huyện K tổ chức lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc đất, xác nhận đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có diện tích 2.789,3m², thuộc thửa số 09, tờ bản đồ số 69, đất tọa lạc tại ấp N, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng và bồi thường thiệt hại số tiền 90.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí hành chính sơ thẩm, cũng như thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10-7-2017, người khởi kiện bà Lâm Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xem xét, giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, buộc UBND xã T tổ chức lấy ý kiến khu dân cư và xác nhận nguồn gốc đất xin đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà, đồng thời buộc UBND xã T bồi thường thiệt hại cho bà với số tiền là 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Lâm Thị L không rút đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng

cáo của người khởi kiện bà Lâm Thị L, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST, ngày 29-6-2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của người bị kiện UBND xã T vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Những người làm chứng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người nêu trên theo quy định tại Điều 225 của Luật tố tụng hành chính.

*** Về nội dung:**

[2] Người khởi kiện bà Lâm Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc UBND xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là UBND xã T) phải tổ chức lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc đất và xác nhận vào đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L đối với phần đất diện tích 2.789,3m², thuộc thửa số 09, tờ bản đồ số 69, tọa lạc tại ấp N, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; đồng thời buộc UBND xã T phải bồi thường thiệt hại cho bà L với số tiền 90 (chín mươi) triệu đồng, bao gồm các chi phí: Chi phí thuê luật sư đi thực hiện công việc đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 70 triệu đồng; chi phí đi lại khởi kiện tại Tòa án là 20 triệu đồng. Lý do: Phần đất nêu trên là của cha, mẹ bà L chết để lại, bà L là người thừa kế duy nhất được thừa hưởng phần đất trên.

Xét thấy:

[3] Ngày 20-6-2016, UBND xã T nhận được đơn yêu cầu của bà Lâm Thị L về việc đo đạc và xin đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 2.789,3m², thuộc thửa số 09, tờ bản đồ số 69, tọa lạc tại ấp N, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Ngày 27-6-2016, UBND xã T tổ chức lấy ý kiến khu dân cư. Theo phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất nêu trên (bút lục số 39) thì nguồn gốc phần đất này là của ông Lâm Quan S sử dụng từ năm 1975 đến năm 2004 ông S chết, hiện nay trên đất có nhà của bà Lý Thị Thuý L ở từ năm 1994 đến nay. Tình trạng đất đang tranh chấp với bà Lê Cúc H và bà Lâm Thị K.

[4] Ngày 29-6-2016, bà Lê Cúc H có Tờ tường trình gửi UBND xã T trình bày rằng bà là con của ông Lâm Quan S và bà Lê Thị C, nên bà cũng có quyền thừa hưởng di sản của cha để lại là phần đất bà Lâm Thị L xin đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng nêu trên, nên không đồng ý cho bà L đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất trên (bút lục số 43).

[5] Ngày 30-6-2016, bà Lâm Thị K có Tờ tường trình cho rằng bà là con của ông Lâm Danh C và bà Nguyễn Thị C, đồng thời là em của ông Lâm Quan S. Phần đất trên là thuộc quyền thừa hưởng chung của các anh chị em do cha mẹ chết không để lại di chúc (bút lục số 42).

[6] Tại các biên bản về việc xác minh nguồn gốc sử dụng đất do UBND xã T lập cùng ngày 07-7-2016 (bút lục số 40 và số 41), bà Lâm Thị K và bà Lê Cúc H đều trình bày: Nguồn gốc phần đất diện tích 2.789,3m², tại thửa số 09 nêu trên là của ông Lâm Danh C và bà Nguyễn Thị C, chưa phân chia cho ai cả, ông C, bà C cho ông Lâm Quan S ở trong căn nhà tạm để giữ vườn, chứ không cho luôn. Sau khi ông S chết, người cháu ruột là bà Lý Thị Thuý L ở trên phần đất này cho đến nay, còn bà Lâm Thị L không có ở trên phần đất này.

[7] Ngoài ra, trên thửa đất số 09 nêu trên, có một căn nhà tình thương do Nhà nước xây dựng cho bà Lý Thị Thuý L. Ông S cho bà Thuý L cất nhà ở trên phần đất này vì bà Thuý L là cháu ruột của ông S và có công chăm sóc nuôi, dưỡng ông S lúc còn sống cho đến khi chết. Theo xác nhận của UBND xã T thì phần đất diện tích 2.789,3m² tại thửa 09 nêu trên, bà Lý Thị Thuý L đã đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2010 nhưng đến nay chưa được cấp giấy (bút lục số 74). Bà Thuý L cũng không đồng ý cho bà L đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất trên.

[8] Khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013 quy định về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất, như sau: *“Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có quy hoạch thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”*. Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai cũng hướng dẫn về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất như trên.

[9] Do UBND xã T đã tổ chức lấy ý kiến khu dân cư và qua việc lấy ý kiến nêu trên đã xác định phần đất nêu trên đang có tranh chấp và tranh chấp chưa được cơ quan có thẩm quyền giải quyết, nên UBND xã T đã bác đơn yêu cầu (không xác nhận vào đơn) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà

Lâm Thị L đối với phần đất diện tích 2.789,3m², thuộc thửa số 09, tờ bản đồ số 69, tọa lạc tại ấp N, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà L về việc buộc UBND xã T phải tổ chức lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc đất và xác nhận vào đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ chấp nhận.

[10] Do yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị L về việc buộc UBND xã T tổ chức lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc đất và xác nhận đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L không được chấp nhận, UBND xã T không có hành vi trái pháp luật gây thiệt hại cho bà Lâm Thị L, nên yêu cầu của bà L về việc buộc UBND xã T phải bồi thường thiệt hại với số tiền 90 triệu đồng là không có căn cứ để chấp nhận.

[11] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị L về việc buộc UBND xã T, huyện K tổ chức lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc đất, xác nhận đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có diện tích 2.789,3m², thuộc thửa số 09, tờ bản đồ số 69, tọa lạc tại ấp N, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng và không chấp nhận yêu cầu buộc UBND xã T phải bồi thường thiệt hại số tiền 90.000.000 đồng, là có căn cứ, đúng pháp luật.

[12] Bà Lâm Thị L kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh phần đất xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà L và hiện tại đất không có tranh chấp, nên kháng cáo của bà L không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm gây khó khăn trong việc tiếp cận hồ sơ vụ án; Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm về tố tụng như: Tòa án tự quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc đất và vẽ sơ đồ trong khi không có yêu cầu của đương sự, xem xét, thẩm định không đúng phần đất tranh chấp; xác định tư cách tham gia tố tụng của người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện không đúng.

[14] Xét thấy, khoản 2 Điều 84 Luật tố tụng hành chính quy định: “*Trong các trường hợp do Luật này quy định, thẩm phán có thể tiến hành một hoặc một số biện pháp sau đây để thu thập tài liệu, chứng cứ: a) Lấy lời khai của đương sự, người làm chứng...c) Xem xét, thẩm định tại chỗ...*”. Như vậy, theo quy định trên thì Thẩm phán có quyền tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ “xem xét, thẩm định tại chỗ” mà không cần phải có yêu cầu của đương sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ là đúng quy định pháp luật và khi xem xét, thẩm định tại chỗ đã tiến hành đo đạc, vẽ sơ đồ đúng vị trí đất tranh

chấp. Ngày 03-12-2016, bà Lâm Thị L làm Giấy ủy quyền cho ông Hồ Văn H tham gia tố tụng trong vụ án (bút lục số 30-31), Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận ông H tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bà L tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại ngày 21-02-2017 (bút lục số 54 và từ 55-57) và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 01-6-2017 (phiên tòa này bị hoãn do vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và các người làm chứng). Sau đó, ngày 26-6-2017 bà L có Văn bản chấm dứt ủy quyền, không ủy quyền cho ông H tham gia tố tụng trong vụ án nữa (bút lục số 124). Ngày 27-6-2017 ông Hồ Văn H đăng ký là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lâm Thị L (bút lục số 119) và Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận ông Hồ Văn H tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 29-6-2017 ông H không có ý kiến gì về vấn đề này. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không vi phạm tố tụng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày tại phiên tòa phúc thẩm.

[15] Do đó, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện về việc hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án từ giai đoạn sơ thẩm là không có căn cứ để chấp nhận; đề nghị của Kiểm sát viên về việc không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ để chấp nhận.

[16] Các phần khác của bản án sơ thẩm do không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét lại và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[17] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên, nên bà Lâm Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Luật tố tụng hành chính và khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng, bà L đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 220, khoản 1 Điều 241, Điều 242 và khoản 1 Điều 349 Luật tố tụng hành chính. Căn cứ vào khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Lâm Thị L. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị L về

việc buộc Ủy ban nhân dân xã T, huyện K tổ chức lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc đất, xác nhận đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 2.789,3m², thuộc thửa số 09, tờ bản đồ số 69, đất tọa lạc tại ấp N, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng và bồi thường thiệt hại số tiền 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng).

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Lâm Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính phúc thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007545 ngày 10-7-2017, bà L đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện K;
- VKSND huyện K;
- UBND huyện K;
- Chi cục THADS h. K;
- Các đương sự;
- Lưu (Hồ sơ VA, Tòa HC).

Đã Ký

Huỳnh Đức Khải